TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28/02/2018
"V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà - Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**.
Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Khóa.**
Ông **Nguyễn Đông Sơ**.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Vũ Bích Thủy-** Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà **Phạm Thị Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 156/2017/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hải N, sinh ngày 20/9/1986.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thị Tứ Q, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang sinh sống và làm việc tại: Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thị Tứ Q, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/5/1987;

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thị Tứ Q, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang sinh sống và làm việc tại: Đài Loan.

NHẬN THẤY

*Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn - anh Nguyễn Hải N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/6/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra xô sát. Năm 2012, anh N và chị T cùng đi lao động tại Đài Loan. Tuy nhiên do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đến năm 2014 anh chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Hải L, sinh ngày 09/10/2009. Hiện cháu đang ở cùng với mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị M. Ly hôn, anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại do anh đang lao động tại Đài Loan nên anh đề nghị tạm giao cháu L cho bà Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ anh) trực tiếp nuôi dưỡng trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam, đồng thời ủy quyền cho mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị M thay anh nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị (gửi từ Đài Loan về Việt Nam) trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Chị xác định về quan hệ hôn nhân, về việc đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như anh N đã trình bầy. Tuy nhiên do anh chị đã sống ly thân nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh N có đơn xin ly hôn, chị cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải L, sinh ngày 09/10/2009. Ly hôn chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Do điều kiện chị đang lao động tại Đài Loan nên chị đề nghị tạm giao con chung cho bà Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ anh N) trực tiếp nuôi dưỡng trong thời gian chị không có mặt ở Việt Nam.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do đang lao động tại Đài Loan nên chị đề nghị xin được vắng mặt tại tất cả các giai đoạn tố tụng.

Bà Nguyễn Thị M cho biết bà đã thông báo toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án do bà nhận thay cho anh N biết. Tuy nhiên vì điều kiện công việc nên anh N

không về Việt Nam để tham gia phiên tòa được, anh N đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án sớm giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành giám định mẫu chữ ký và chữ viết của chị T trong *" Đơn đề nghị"* chị T đã gửi về cho Tòa án. Kết quả giám định cho thấy chữ viết và chữ ký Nguyễn Thị T trong văn bản này so với chữ ký và chữ viết trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Hội đồng xét xử.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai của các bên đương sự có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh N và chị T đã trầm trọng và kéo dài. Do vậy có cơ sở chấp nhận cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Hải L cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng và tạm giao con chung cho bà Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ anh) trực tiếp nuôi dưỡng trong thời gian anh N không có mặt ở Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ vào lời khai của các đương sự, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N đã ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị M thay mặt anh tham gia tố tụng tại phiên tòa, chị T có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của anh N và chị T cho thấy anh chị kết hôn vào ngày 23/6/2009. Tuy nhiên vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được 3 năm thì

phát sinh mâu thuẫn. Thực tế từ năm 2014 anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay cả 2 anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh N có đơn đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn, chị T cũng nhất trí. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hải L, sinh ngày 09/10/2009, hiện cháu đang ở cùng với bà M (mẹ đẻ anh N). Ly hôn, anh chị đều đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy hiện nay cả anh N và chị T đều không ở Việt Nam. Thực tế cháu L đang được bà nội là bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ của anh N) nuôi dưỡng. Bà M cũng có nguyện vọng đề nghị giao cháu L cho anh N được nuôi dưỡng. Bà đồng ý nuôi dưỡng và chăm sóc cháu L trong thời gian anh N không có mặt tại Việt Nam. Quan điểm của anh N và bà M cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu L là xin được ở với bố và bà nội. Do vậy nên giao cháu L cho anh N nuôi dưỡng là hợp lý. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Các vấn đề khác do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh N là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 11 Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH10 ngày 27/2/2009 về án phí, lệ phí Toà án; xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Nguyễn Hải N được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải L, sinh ngày 09/10/2009 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Giao cho bà Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ anh N) trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải L trong thời gian anh N không có mặt tại Việt Nam.

Chị T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Hải N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp theo biên lai thu số

AA/2016/0002876 ngày 04/12/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh N đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử sơ thẩm công khai, anh N; chị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND Tỉnh Hải Dương;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu tòa.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền